CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH
Ký ngày: 4/4/2023 16:56:38

MỤC LỤC

1 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát 06
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 11
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 12
Định hướng phát triển 14
Các rủi ro 16

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 20
Tổ chức và nhân sự 23
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 28
Tình hình tài chính 30
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 34
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty 36

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 40
Tình hình tài chính 42
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 44
Kế hoạch phát triển trong tương lai 44
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 46
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội 47

4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 50
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 50
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 50

5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 54
Ban kiểm soát 60
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát 64

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán 68
Báo cáo tài chính đã kiểm toán 70

1 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát 06

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 11

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 12

Định hướng phát triển 14

Các rủi ro 16

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	:	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH
Tên Tiếng Anh	:	TRA VINH ELECTRIC DEVELOPMENT JOINT STOCK CORPORATION
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	số 2100110200 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu vào ngày 13/07/2006, thay đổi lần 6 ngày 08/07/2021
Địa chỉ	:	Số 68, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
Số điện thoại	:	0294 385 0017
Số fax	:	0294 385 0017
Website	:	www.diennongthontv.com
Mã cổ phiếu	:	DTV
Sàn giao dịch	:	UPCOM

52.800.000.000 VNĐ

Vốn điều lệ (tại 31/12/2022)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 123.901.866.606 đồng

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1996

Tháng 04/1996, Công ty Cổ phần (CTCP) Phát triển Điện Trà Vinh tiền thân là Ban Quản lý Điện nông thôn Trà Vinh, được Uỷ ban nhân dân (UBND) tỉnh Trà Vinh quyết định thành lập và đi vào hoạt động với quy mô vốn gần 500 triệu đồng.

2005

Ngày 11/07/2005, Công ty chuyển đổi mô hình từ doanh nghiệp Nhà nước sang cổ phần hoá theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND cấp bởi UBND tỉnh Trà Vinh.

2006

Ngày 13/07/2006, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh đã cấp giấy chứng nhận kinh doanh đăng ký số 2100110200 cho CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh với số vốn điều lệ 52.800.000.000 đồng.

2010

Ngày 09/09/2010, CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (sàn giao dịch UPCOM) với mã chứng khoán là DTV.

2017

Ngày 01/08/2017, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

2020

Ngày 31/03/2020, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 5, chính thức đổi tên từ CTCP Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh thành CTCP Phát triển Điện Trà Vinh.

2021

Ngày 29/03/2021, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2021-2025, từ đó thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế quản trị nội bộ công ty.

2022

Công ty ghi nhận doanh thu hơn 591 tỷ đồng và lãi trước thuế hơn 35 tỷ đồng, lần lượt tăng hơn 6% và 10% so với kết quả thực hiện năm trước. Công ty hoàn thành tốt kế hoạch đề ra khi đã thực hiện đạt 99% chỉ tiêu doanh thu và vượt gần 2% kế hoạch lãi trước thuế năm 2022.

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

THÀNH TÍCH NỔI BẬT

2012

Nhận Bằng khen của UBND Tỉnh vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2012.

2013

Nhận Bằng khen của UBND Tỉnh vì đã có thành tích xuất sắc;

Nhận Huân chương Lao động hạng Ba giai đoạn 2009 - 2013 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 - 2013 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc. nhiện vụ chính trị năm 2013;

Nhận Bằng khen của Bộ Y tế vì đã có thành tích trong công tác phòng chống bệnh nghề nghiệp và chăm sóc sức khoẻ người lao động năm 2013.

2014

Nhận Cờ thi đua Tỉnh.

2015

Nhận Bằng khen UBND Tỉnh vì đã có thành tích đóng góp cho phong trào thi đua yêu nước Tỉnh Trà Vinh 05 năm (2010 - 2015).

2016

Nhận Cờ thi đua Tỉnh.

2018

Nhận Bằng khen UBND Tỉnh vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018.

2019

Nhận Bằng khen của Bộ Công Thương vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của Bộ Công Thương, giai đoạn 2010 - 2020.

2020

Nhận Bằng khen UBND Tỉnh vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

Nhận Bằng khen UBND Tỉnh vì đã hoàn thành tốt chính sách, pháp luật thuế;

Nhận Giấy khen của Bảo hiểm xã hội Tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện tốt các chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể, Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 2020.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Đầu tư xây dựng, phát triển các công trình điện;
- Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện;
- Thiết kế các công trình đường dây hạ thế, dây nhánh khách hàng và điện dân dụng;
- Thi công các công trình đường dây điện trung thế, lắp trạm biến thế, đường...

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu Công ty là thi công xây lắp công trình điện và kinh doanh mua bán, phân phối điện tại 7 đơn vị điện nông thôn bao gồm điện nông thôn Châu Thành, điện nông thôn Càng Long, điện nông thôn Cầu Kè, điện nông thôn Tiểu Cần, điện nông thôn Trà Cú, điện nông thôn Duyên Hải, điện nông thôn Cầu Ngang trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

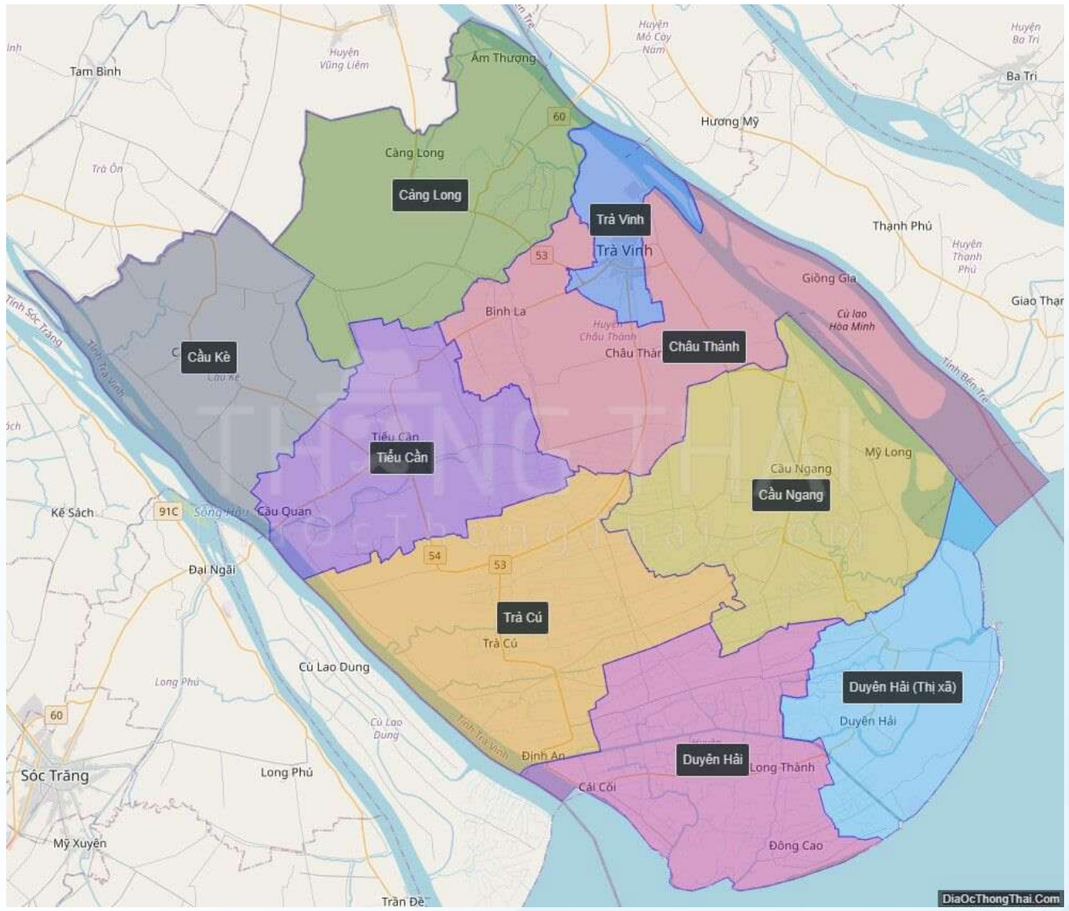

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CTCP Phát triển Điện Trà Vinh tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình quản trị bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông
Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị
Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát
Ban kiểm soát (BKS): thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc (BTGĐ): là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

04 Phòng chức năng
4 phòng chức năng: gồm Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế toán tài vụ, Phòng Kế hoạch kinh doanh, Phòng Kỹ thuật.

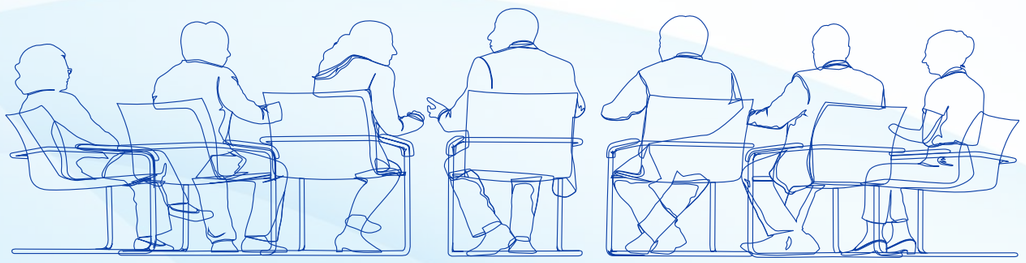

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

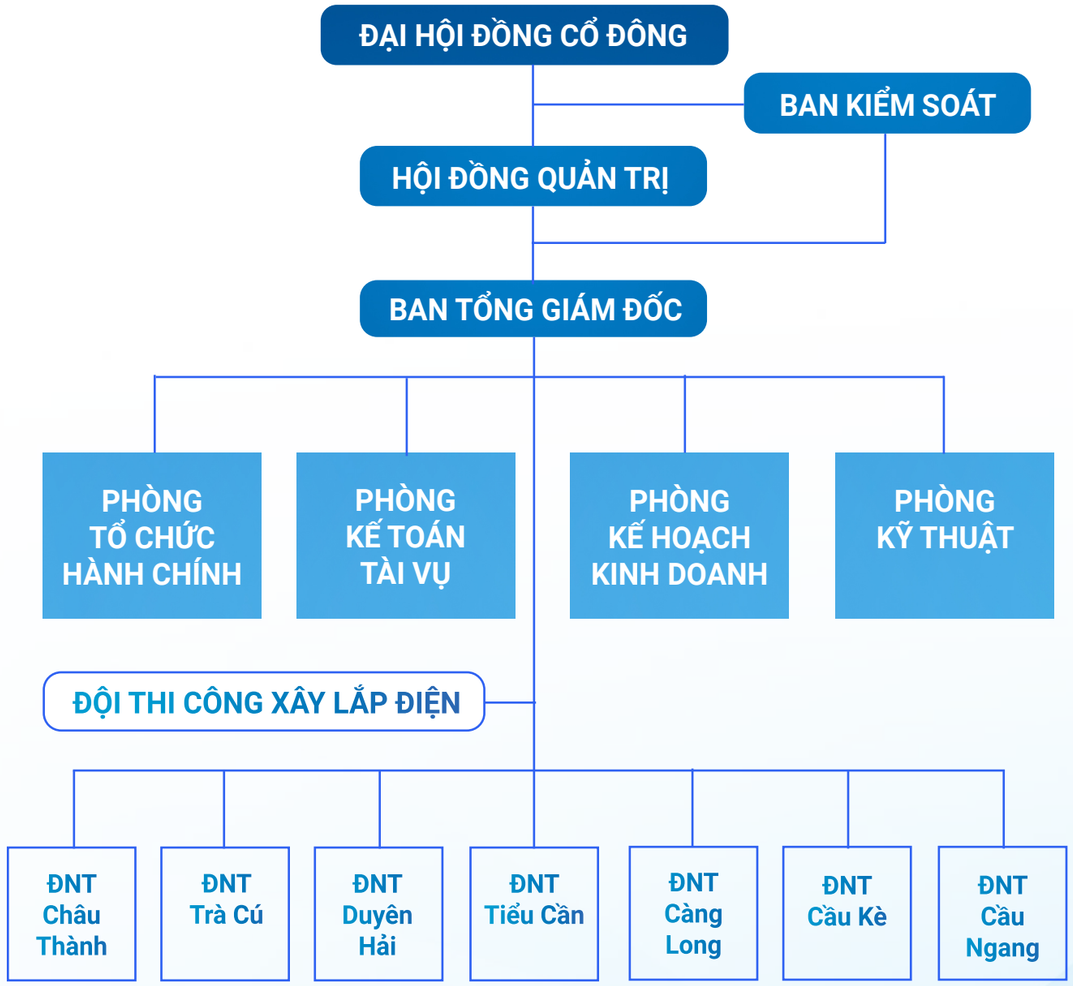

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Trà Vinh là tỉnh có đồng bào Khmer sinh sống đông thứ 2 ở Đồng bằng sông Cửu Long chính vì thế, mục tiêu hàng đầu của Công ty là đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt của người dân địa phương, hướng đến mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chung của địa phương thông qua các hoạt động:

» Mở rộng mạng lưới khách hàng và gia tăng sản lượng điện cung cấp, đẩy mạnh đầu tư mới các công trình đường dây hạ thế, cải tạo và sửa chữa các đường dây đã xuống cấp;

» Bảo đảm đủ nhu cầu năng lượng đáp ứng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch;

» Thực hiện kế hoạch xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước;

» Nâng tầm vị thế Công ty góp phần phát triển ngành năng lượng trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Trà Vinh, đóng góp quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

» Tiếp tục thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp phát triển lưới điện đáp ứng nhu cầu kỹ thuật, đảm bảo cung cấp điện an toàn phục vụ sinh hoạt, sản xuất an toàn và ổn định, tin cậy phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc;

» Phát triển điện năng lượng mặt trời, điện gió và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật điện, điện nông thôn phục vụ kịp thời yêu cầu phát triển sản xuất, sinh hoạt của dân cư nhất là vùng chuyên canh của tỉnh;

» Nâng cao chất lượng điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho người dân, xóa dần tình trạng nối đuôi không an toàn, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

» Chú trọng phát triển năng lượng sạch, ứng dụng công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên địa bàn hoạt động.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

» Mục tiêu đáp ứng an ninh năng lượng của tỉnh góp phần phát triển hệ thống hạ tầng năng lượng đồng bộ và thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm đảm bảo việc phát triển kinh doanh đi đôi với phát triển toàn diện, phát triển ngành năng lượng một cách bền vững. Đồng thời đồng bộ các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, chăm lo an sinh, phúc lợi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động của Công ty.

» Thực hiện phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, kết nối khu vực nông thôn, tăng cường hiện đại hóa từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện, tích cực tham gia hoạt động phát triển nguồn năng lượng tái tạo đồng thời nâng cao hơn khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện hệ thống.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Nền kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động diễn ra khá nhanh, khó lường, tỷ lệ lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự và cùng với tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán diễn ra thường xuyên đã làm gia tăng rủi ro kinh tế đến thị trường trong đó có thị trường năng lượng. Điểm sáng trong năm 2022, theo báo cáo tình hình kinh tế xã hội của Tổng cục Thống kê là GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại trong đó ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,05%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm GDP cả nước năm 2022.

Ngoài ra, theo Tổng cục Thống kê, Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 so với năm trước tăng ở 61 địa phương và giảm ở 02 địa phương trên cả nước trong đó Trà Vinh là địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện năm 2022 so với năm trước giảm với mức giảm 35,2% cao nhất cả nước. Mặc dù trong thời gian qua tỉnh Trà Vinh đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, khai thác tiềm năng lợi thế và đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội như tốc độ tăng trưởng kinh tế môi trường đầu tư, năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư có nhiều chuyển biến tích cực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư nâng cấp. Diện mạo của tỉnh từ thành thị, đến nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân, nhất là trong đồng bào dân tộc được cải thiện đáng kể.

tỉnh Trà Vinh vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, khó khăn, để hạn chế tác động tiêu cực khi rủi ro kinh tế của Công ty gắn liền với sự phát triển nền kinh tế địa phương, Công ty đã chủ động hơn về lao động và kế hoạch sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn để phục hồi, mở rộng sản xuất, khai thác hiệu quả mạng lưới điện, đảm bảo việc đầu tư, xây dựng các dự án xây dựng hạ tầng điện và các dự án lưới điện theo đúng tiến độ được giao.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn phải chịu các tác động khác như: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, những biến đổi khắc nghiệt về khí hậu, ... Đây là những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra, gây thiệt hại đến con người và tài sản. Vì vậy, Công ty đã lập ra các biện pháp dự phòng cần thiết nhằm giảm thiệt hại đến mức thấp nhất do những rủi ro này gây ra, bảo vệ con người và tài sản là ưu tiên hàng đầu của Công ty.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty hoạt động dưới hình thức CTCP, được đăng ký giao dịch UPCOM và hoạt động trong ngành sản xuất và phân phối điện năng nên Công ty cần tuân thủ các quy định của nhiều văn bản luật khác nhau như: Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật Môi trường,... Để hạn chế rủi ro về mặt pháp lý ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của công ty, hiện tại, Công ty luôn chấp hành pháp luật, chủ động thường xuyên cập nhật những bổ sung, sửa đổi của luật và tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật để thích nghi và xử lý kịp thời những vấn đề mang yếu tố pháp lý, đảm bảo tính ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Ngoài ra, với đặc thù ngành điện, trong quá trình truyền tải, thi công sẽ thải ra một số khí thải, làm tăng nhiệt độ và tạo tiếng ồn lớn nên nếu không xử lý đúng cách thì sẽ gây ra những ảnh hưởng lớn đến môi trường, ảnh hưởng sức khỏe của người dân. Do vậy, Công ty luôn tuân thủ theo đúng quy định về xử lý chất thải, đồng thời luôn chú trọng trong việc xử lý và phân loại rác thải để hạn chế tối đa tác động đến môi trường, hạn chế sản sinh các vấn đề dân sự, đảm bảo an toàn cho người dân địa phương.

RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong báo cáo tình hình tai nạn lao động, điện giật là một trong những yếu tố chấn thương chủ yếu chiếm 10,73% tổng số vụ tai nạn lao động và 10,4% tổng số người chết trong 6 tháng đầu năm 2022.

Một trong những nguyên nhân gây ra tai nạn lao động là do lỗi chủ quan của người lao động, chính vì vậy, Công ty luôn thực hiện nghiêm ngặt công tác quản lý, sử dụng các thiết bị điện, xây dựng kế hoạch về xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên hàng năm cho lưới điện, kiểm tra tổng lưới điện, kịp thời khắc phục các khiếm khuyết còn tồn tại trên lưới điện nhằm hạn chế sự cố do lỗi chủ quan gây ra, trang bị kịp thời, đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân, trang thiết bị kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, đảm bảo đáp ứng đủ để phục vụ sản xuất. Đồng thời, triển khai đưa công nghệ mới vào sản xuất như hệ thống điều khiển từ xa, hệ thống đo đếm bằng công tơ điện tử, trang bị xe nâng, xe cẩu cho những lao động làm việc trên cao.

Trong những năm qua Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm ngăn chặn, phòng ngừa tai nạn lao động, thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn trong tổ chức thi công, nhắc nhở người lao động thận trọng tuyệt đối để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành sửa chữa lưới điện, ngăn ngừa, giảm thiểu và không để xảy ra tai nạn lao động.

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
Tổ chức và nhân sự	23
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	28
Tình hình tài chính	30
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	34
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	36

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng/ giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán điện thương phẩm	549.003	98,62%	578.312	97,85%	5,34%
2	Doanh thu bán thiết bị điện	7.678	1,38%	12.698	2,15%	65,38%
3	Doanh thu bán phế liệu	-	-	1.187	0,20%	100%
	Tổng cộng	**556.681**	**100,00%**	**591.010**	**100,00%**	**6,17%**

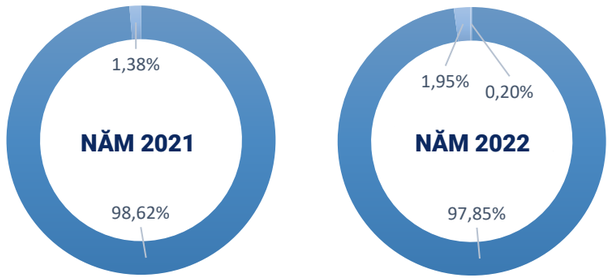

Kinh doanh điện thương phẩm là hoạt động kinh doanh chính của Công ty nên doanh thu mảng này luôn chiếm tỷ trọng chính khoảng 98% cơ cấu doanh thu mỗi năm (chiếm 98,62% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu năm 2021 và 97,85% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu năm 2022), các hoạt động bổ trợ như xây lắp điện, mua bán bán thiết bị điện đạt 11.511 triệu đồng và chiếm tỷ trọng 1,95%, ngoài ra, trong năm Công ty có thêm doanh thu từ bán phế liệu với 1.187 triệu đồng, chiếm 0,02% trong cơ cấu doanh thu. Năm 2022, doanh thu bán điện đạt 578.312 triệu đồng, tăng 5,34% so với cùng kỳ, luỹ kế cả năm 2022, doanh thu thuần đạt hơn 591 tỷ đồng, tăng 6,17% so với cùng kỳ.

Kết quả sản xuất kinh doanh của DTV năm 2022 các chỉ tiêu hầu hết đều đạt và vượt kế hoạch, riêng chỉ tiêu sản lượng điện bán ra tuy doanh thu không đạt nhưng vẫn có sự tăng trưởng so với năm trước. Bằng việc thường xuyên kiểm tra lưới điện, lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa kịp thời để đảm bảo nguồn điện chất lượng cung cấp cho khách hàng, Công ty luôn được khách hàng tin cậy, nhờ đó tỷ lệ hộ sử dụng điện mới ngày càng tăng lên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, điều này góp phần tạo nên sự tăng trưởng doanh thu của Công ty.

ĐVT: triệu đồng

STT	Chi phí	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng/ giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Giá vốn của điện thương phẩm	458.291	86,49%	484.285	87,13%	5,67%
2	Chi phí nhân viên	42.719	8,14%	45.092	8,11%	5,55%
3	Nguyên vật liệu	7.416	1,41%	8.864	1,59%	19,53%
4	Chi phí khấu hao	4.941	0,94%	5.875	1,06%	18,90%
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	463	0,09%	586	0,11%	26,57%
6	Chi phí khác	11.114	2,12%	11.139	2,00%	0,22%
	Tổng cộng	**524.944**	**100,00%**	**555.841**	**100%**	**5,89%**

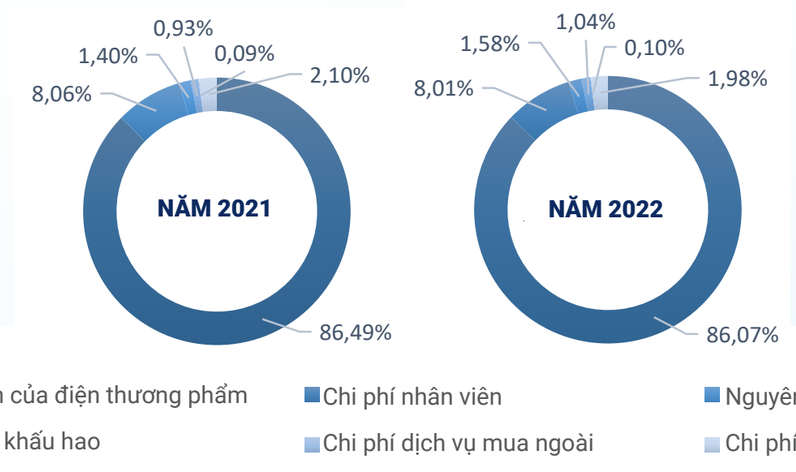

DTV là đơn vị bán lẻ điện cho người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, vì thế vấn đề an toàn, hiệu quả là tôn chỉ hàng đầu của Công ty đối với khách hàng sử dụng điện. Trong năm, tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty là 555.841 triệu đồng, tăng 5,89% so với năm trước, nguyên nhân là do Công ty tiến hành đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa lưới điện, thay điện kế định kỳ bằng điện kế điện tử, kiểm định trạm biến áp,... với tổng chi phí thực hiện đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật là 25.708 triệu đồng.

Nhìn chung, do có sự gia tăng doanh thu bán điện thương phẩm nên các yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh điện bao gồm chi phí nhân viên, chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác cũng có xu hướng tăng, từ đó dẫn đến chi phí giá vốn của điện thương phẩm năm 2022 là 484.285 triệu đồng, tăng 5,67% so với giá vốn điện thương phẩm năm 2021.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	TH 2022	KH 2022	TH 2022/ TH 2021	TH 2022/ KH 2022
Tổng doanh thu	Triệu đồng	556.681	591.010	596.499	106,17%	99,08%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	32.164	35.486	34.802	110,33%	101,97%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25.674	28.252	27.842	110,04%	101,47%
Tỷ lệ cổ tức	%	30%	30%	20%	100,00%	150,00%
Sản lượng điện mua vào	Triệu kWh	308,50	325,75	331,78	105,59%	98,18%
Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	293.852	308.220	316.852	104,89%	97,28%
Tỷ lệ tổn thất điện năng	%	4,75%	5,38%	4,50%	113,26%	119,56%
Phát triển điện năng lượng mặt trời áp mái	MWp	0	0,224	1	-	22,40%
Phát triển khách hàng	Hộ	3.148	3.889	3.000	123,54%	129,63%

Lợi nhuận sau thuế năm 2022

(Triệu đồng)

28.252

Năm 2021: 25.674

Hoàn thành

101,47%

KẾ HOẠCH ĐỀ RA

Năm 2022, với thời tiết diễn biến thuận lợi, sản lượng điện thương phẩm của DTV đạt 308.220 triệu KWh, tăng 4,89% so với cùng kỳ năm trước cũng như đạt 97,28% so với kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, tỷ lệ tổn thất điện năng tăng cao (cao hơn 19,56% so với kế hoạch đề ra), vì thế Công ty cần phải nỗ lực kiểm soát tỷ lệ tổn thất tốt hơn trong tương lai thông qua các biện pháp cải tạo các đường dây xuống cấp, xử lý kịp thời các khiếm khuyết trên đường dây vào mùa khô, đồng thời tiếp tục thực hiện di dời các điện kế từ trong nhà người dân ra trụ và kiểm tra các hộ khách hàng sử dụng điện tăng giảm bất thường nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp sử dụng điện sai mục đích.

Bên cạnh đó, nhờ quá trình mở rộng địa bàn kinh doanh đến các vùng ven, số lượng khách hàng mới đã đạt 3.889 hộ (tương đương 129,63% kế hoạch), điều này đã tạo nên mức tăng trưởng 6,17% của doanh thu thuần năm nay so với năm trước.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	3.800	0,07%
2	Trương Thị Thuỳ Linh	Phó Tổng Giám đốc	35.900	0,68%
3	Lê Thị Ngọc Hằng	Kế toán trưởng	4.300	0,08%

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông LÝ NGỌC TUẤN

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1967

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - Điện tử (Điện năng)

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1987 đến 03/1996	Công ty Thuỷ sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh	Bộ phận Cơ Điện của Xí nghiệp Đông 2/9
Từ 03/1996 đến nay	CTCP Phát triển Điện Trà Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần sở hữu: 3.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,07%

Sở hữu cá nhân	3.800	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,07%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Bà TRƯƠNG THỊ THUỲ LINH

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1975

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Quản trị kinh doanh)

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/1999 đến 6/2005	CTCP Phát triển điện nông thôn Trà Vinh	Cán bộ phòng kinh doanh
Từ 7/2005 đến 2/2009	CTCP Phát triển điện nông thôn Trà Vinh	Phó Phòng Kế toán Tài vụ Kinh doanh
Từ 3/2009 đến 12/2010	CTCP Phát triển điện nông thôn Trà Vinh	Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh
Từ 01/2011 đến nay	CTCP Phát triển Điện Trà Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần sở hữu: 35.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,68%

Sở hữu cá nhân	35.900	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,68%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

Bà LÊ THỊ NGỌC HẰNG

Kế toán trưởng

Sinh năm: 1976

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/1999 đến 12/2003	CTCP Phát triển điện nông thôn Trà Vinh	Kế toán Trạm Quản lý Điện Nông thôn Cầu Ngang - Duyên Hải
Từ 01/2004 đến 12/2005	CTCP Phát triển điện nông thôn Trà Vinh	Kế toán thanh toán
Từ 01/2006 đến nay	CTCP Phát triển Điện Trà Vinh	Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần sở hữu: 4.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,08%

Sở hữu cá nhân	4.300	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,08%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Không có

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**185**	**100,00%**
1	Trình độ cao học	3	1,62%
2	Trình độ đại học	55	29,73%
3	Trình độ cao đẳng	35	18,92%
4	Trình độ trung cấp	43	23,24%
5	Công nhân kỹ thuật	48	25,95%
6	Lao động phổ thông	1	0,54%
B	**Theo độ tuổi**	**185**	**100,00%**
1	Dưới 25 tuổi	11	5,95%
2	Từ 25-29 tuổi	24	12,97%
3	Từ 30-39 tuổi	60	32,43%
4	Từ 40-49 tuổi	49	26,49%
5	Dưới 60 tuổi	41	22,16%
C	**Theo giới tính**	**185**	**100,00%**
1	Nam	165	89,19%
2	Nữ	20	10,81%

Theo trình độ

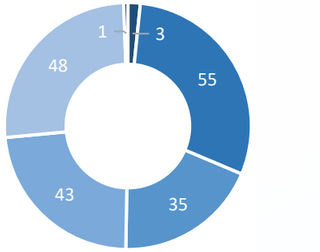

Theo giới tính

Theo độ tuổi

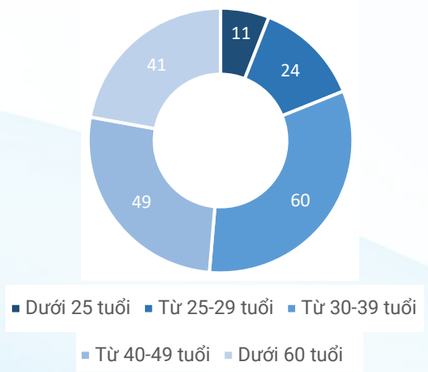

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	182	182	183	185
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.813.620	14.625.758	14.845.836	15.323.263

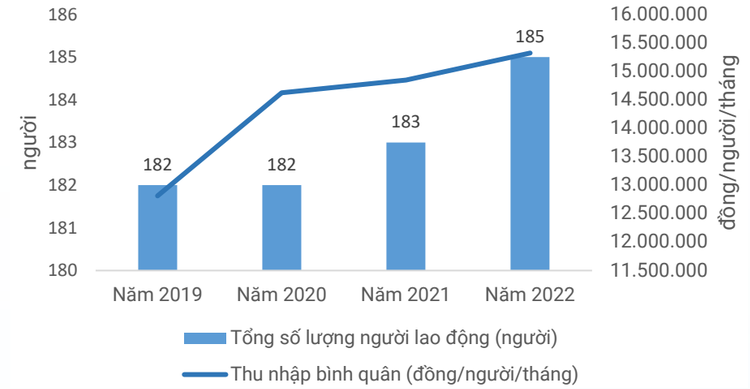

Chính sách nhân sự

Sự thành công mà Công ty có được trong suốt quá trình hình thành và phát triển luôn có phần đóng góp rất lớn từ đội ngũ người lao động. Vì vậy, Công ty đã áp dụng các chính sách nhân sự phù hợp nhất để giúp người lao động yên tâm cống hiến, cùng Công ty phát triển trong tương lai.

Về đào tạo:

- Để đảm bảo an toàn chất lượng điện và tính chính xác của mạch đo đếm, hàng năm Công ty sẽ tổ chức định kỳ các khoá tập huấn để nâng cao tay nghề cho công nhân cụ thể về sát hạch an toàn điện, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm củng cố và cập nhất kiến thức chuyên môn cho công nhân kỹ thuật một cách thường xuyên, nhắc nhở công nhân luôn nâng cao ý thức trong việc chấp hành tốt tổ chức kỷ luật tuân thủ đúng quy trình sử dụng điện, sửa chữa lưới điện.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

- Chế độ lương thưởng được xây dựng minh bạch, rõ ràng và hợp lý, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Song song đó, để động viên cán bộ, nhân viên có nhiều đóng góp cống hiến cho Công ty, hằng năm DTV luôn có sự quan tâm và xem xét tăng thu nhập để công nhận những cống hiến to lớn của người lao động khi làm việc tại Công ty.
- Thực hiện tuân thủ theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc sẽ được nghỉ các ngày lễ, tết theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên tổ chức tặng quà cho người lao động trong các dịp lễ đặc biệt như ngày Quốc tế phụ nữ, Ngày Phụ Nữ Việt Nam,... Bên cạnh đó, hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn bộ người lao động, thực hiện đóng đầy đủ BHXH, BHYT và BHTN cho 100% cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch, nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên gia tăng hiệu quả đóng góp trong Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2022, để cung cấp điện an toàn và hiệu quả cho người dân phục vụ nhu cầu sử dụng điện, DTV đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp sửa chữa đường dây trung, hạ áp và các trạm biến áp (TBA) nhằm mục đích phát triển hộ sử dụng điện, tăng sản lượng điện tiêu thụ, tăng doanh thu bán điện thành phẩm với tổng số vốn đầu tư như sau:

STT	TÊN HẠNG MỤC	Số lượng công trình	Chiều dài (km)	Công suất TBA (kVA)	Phát triển khách hàng mới	Tổng kinh phí (tỷ đồng)
1	Cải tạo lưới hạ áp	42	31,26	-	-	2.022,94
2	Xây dựng mới lưới hạ áp	32	12,22	-	-	1.210,96
3	Xây dựng mới lưới trung áp và TBA	69	2,84	4.462,5	-	5.322,39
4	Di dời, nâng công suất TBA	13	-	700	-	604,61
5	Kiểm định thiết bị đo đếm TBA, điện kế (97 trạm)	-	-	-	-	339,02
6	Kiểm định điện kế (40.275 cái)	-	-	-	-	1.634,63
7	Đầu tư hệ thống đo đếm điện kể cả các thiết bị, phụ kiện kèm theo (hộ)	-	-	-	3.899	1.880,62
8	Chi phí sửa chữa thường xuyên	-	-	-	-	2.050,45
9	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái (0,224 MWp)	-	-	-	-	2.570,55
10	Đầu tư thay thế điện kế điện tử (10.889 hộ)	-	-	-	-	8.072,61
	TỔNG CỘNG:	**156**	**46,32**	**5.162,50**	**3.899**	**25.708,78**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	126.202	138.742	9,94%
2	Doanh thu thuần	556.681	591.010	6,17%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.163	35.516	10,43%
4	Lợi nhuận khác	1	(30)	(2416,60%)
5	Lợi nhuận trước thuế	32.164	35.486	10,33%
6	Lợi nhuận sau thuế	25.674	28.252	10,04%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,29	5,62
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	5,24	4,73
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	10,74	10,70
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	12,04	11,98
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	11,18	10,89
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	45,34	38,69
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	4,66	4,46
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	4,61	4,78
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	24,00	23,89
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	20,34	20,36
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,78	6,01

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

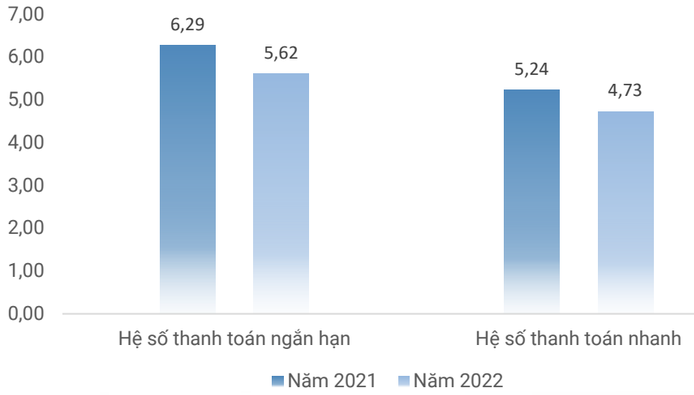

Là một doanh nghiệp hoạt động đơn thuần về bán lẻ điện đến cấp điện nông thôn và cung cấp vật tư chuyên ngành điện, Công ty luôn cố gắng duy trì chỉ số thanh toán ở mức độ thích hợp nhằm tạo sự an toàn trong hoạt động,... cũng như tạo dựng niềm tin cho các cổ đông. Tại thời điểm cuối năm 2022, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm còn 5,62 lần giảm 0,67 lần so với cùng kỳ. Sau khi loại bỏ hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác, hệ số thanh toán nhanh ghi nhận mức giảm 0,51 lần, đạt 4,73 lần.

Hoạt động thu tiền điện theo hộ gia đình đã dẫn đến sự chênh lệch trong hai hệ số trên khi các khoản phải thu khách hàng cuối năm ghi nhận mức tăng 4,32% so với đầu năm, chiếm 63,79% tỷ trọng trong cơ cấu tài sản ngắn hạn và luôn được duy trì ở mức cao trong tổng tài sản. Ngoài ra, sự sụt giảm trong chỉ tiêu về khả năng thanh toán một phần là do nợ ngắn hạn tăng 9,44% trong đó thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (chủ yếu là thuế giá trị gia tăng) tăng mạnh đến 106,68% chiếm tỷ trọng cao thứ hai sau khoản phải trả người lao động với tổng thuế phải nộp là 2.630 triệu đồng.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

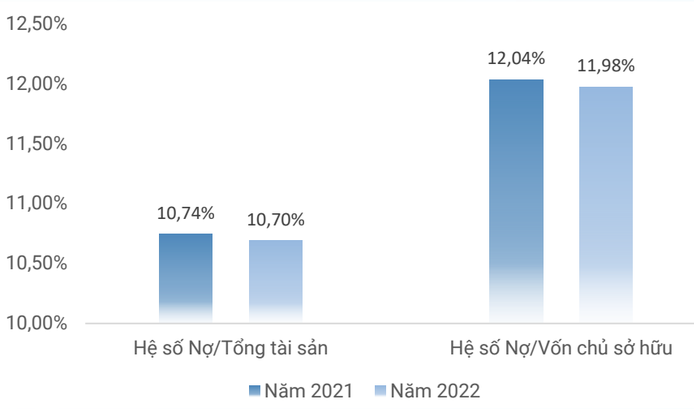

Cơ cấu vốn hiệu quả giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định, vì thế các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm 2022 vẫn đang được Công ty duy trì ổn định và có giảm nhẹ nhưng không có sự thay đổi đáng kể so với năm trước. Tại thời điểm cuối năm 2022, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 10,70% và 11,98%, tương ứng giảm 0,05% và 0,06%.Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu năm nay ghi nhận chênh lệch không quá khác biệt do tương quan thuận chiều giữa giá trị nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

Cụ thể, nợ phải trả năm 2022 tăng 9,44% (tương đương mức tăng 1.280 triệu đồng), trong khi vốn chủ sở hữu tăng 10% (tương đương mức tăng 11.642 triệu đồng). Tổng tài sản năm 2022 cũng ghi nhận tăng 9,94% (tương đương mức tăng 12.540 triệu đồng), vì thế, Hệ số nợ/ Tổng tài sản đảm bảo được tình hình tài chính luôn ở mức an toàn và mang lại hiệu quả sử dụng vốn tối ưu cho Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

chỉ tiêu về năng lực hoạt động

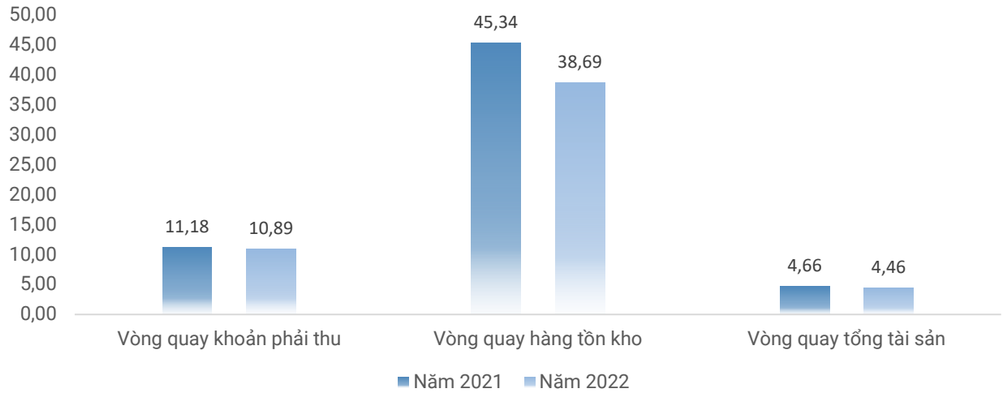

Trong năm 2022, khi các chỉ tiêu về doanh thu, giá vốn hàng bán, tổng tài sản tăng lên cùng với số lượng khách hàng mới đăng ký sử dụng điện phục vụ sinh hoạt của Công ty, khiến cho các chỉ tiêu về năng lực hoạt động có xu hướng giảm so với năm 2021, tuy nhiên mức biến động không quá lớn, cụ thể:

Vòng quay khoản phải thu giảm từ 11,18 vòng xuống còn 10,89 vòng cho thấy tốc độ thu hồi khoản phải thu khách hàng có xu hướng chậm hơn năm trước. Tại thời điểm cuối năm 2022, phải thu ngắn hạn của khách hàng trên 7 huyện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đang sử dụng dịch vụ cung cấp điện sinh hoạt của Công ty là 51.719 triệu đồng chiếm 8,75% doanh thu thuần. Vì thế, Công ty luôn tìm kiếm các giải pháp thông qua việc thu tiền trực tuyến trên các phương tiện thanh toán điện tử, góp phần cải thiện khoản phải thu khách hàng trong những năm tới.

Vòng quay hàng tồn kho trong năm đạt 38,69 vòng, giảm 6,65 vòng so với mức 45,34 vòng của năm 2021 cho thấy hoạt động luân chuyển hàng tồn kho của Công ty có xu hướng chậm hơn năm trước. Nguyên nhân xuất phát từ việc giá vốn hàng bán năm 2022 ghi nhận mức tăng 28.421 triệu đồng, tăng 5,98% so với cùng kỳ năm trước, trong khi hàng tồn kho bình quân lại tăng 24,19% tương ứng tăng 2.535 triệu đồng (chủ yếu do chênh lệch giá trị hàng tồn kho giữa các năm).

Vòng quay tổng tài sản năm nay ghi nhận mức 4,46 vòng, giảm 0,20 vòng so với cùng kỳ năm trước, mặc dù đã giảm nhẹ nhưng vẫn cho thấy rằng Công ty vẫn đang duy trì được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Dựa trên biến động của doanh thu thuần và tổng tài sản bình quân tăng đồng biến với nhau, cho thấy Công ty đang có sự tăng trưởng về cả doanh thu và tài sản khi thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh và các khoản đầu tư cơ sở vật chất đang được đầu tư hiệu quả.

chỉ tiêu về khả năng sinh lời

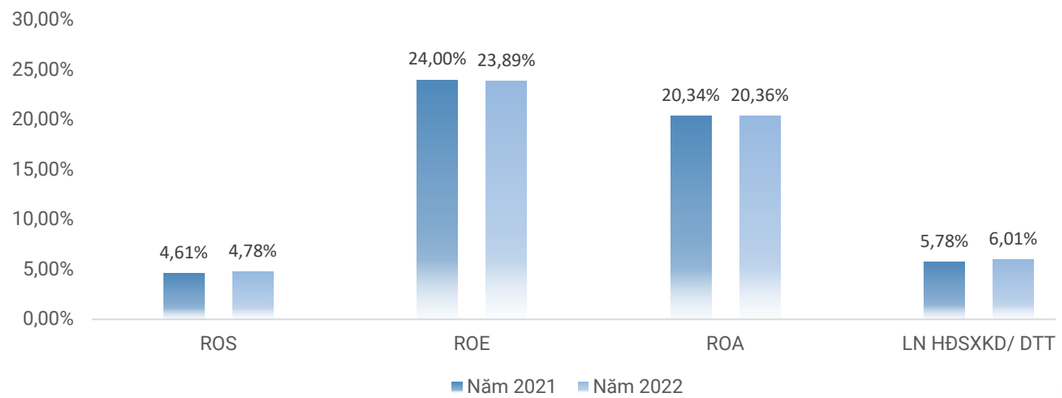

Năm 2022, tình hoạt động kinh doanh của Công ty cơ bản vẫn đang được duy trì ổn định, theo đó, lợi nhuận sau thuế được ghi nhận là 28.252 triệu đồng, tăng 2.578 triệu đồng tương ứng tăng 10,04%, bên cạnh đó, các chỉ tiêu như doanh thu thuần, vốn chủ sở hữu bình quân, tổng tài sản bình quân cũng có mức tăng tương đồng với nhau. Điều này làm cho các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty có những biến động tăng nhẹ so với năm 2021. Cụ thể, các hệ số ROS, ROE, ROA và lợi nhuận thuần trên doanh thu thuần năm 2022 lần lượt đạt 4,78%, 23,89%, 20,36% và 6,01%.

Chính nhờ khả năng duy trì tốt của các chỉ tiêu sinh lời, Công ty đã thực hiện chia cổ tức 30% và bằng với tỷ lệ chia cổ tức năm 2021, cho thấy Công ty đã và đang hoạt động rất ổn định. Trong thời gian tới, Công ty kỳ vọng kết quả kinh doanh và lợi nhuận cao hơn từ việc sử dụng một phần điện năng lượng mặt trời đang được đầu tư lắp đặt nhằm giảm sản lượng mua điện từ đối tác, theo đó, các chỉ tiêu tài chính này sẽ tiếp tục được cải thiện hơn nữa.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

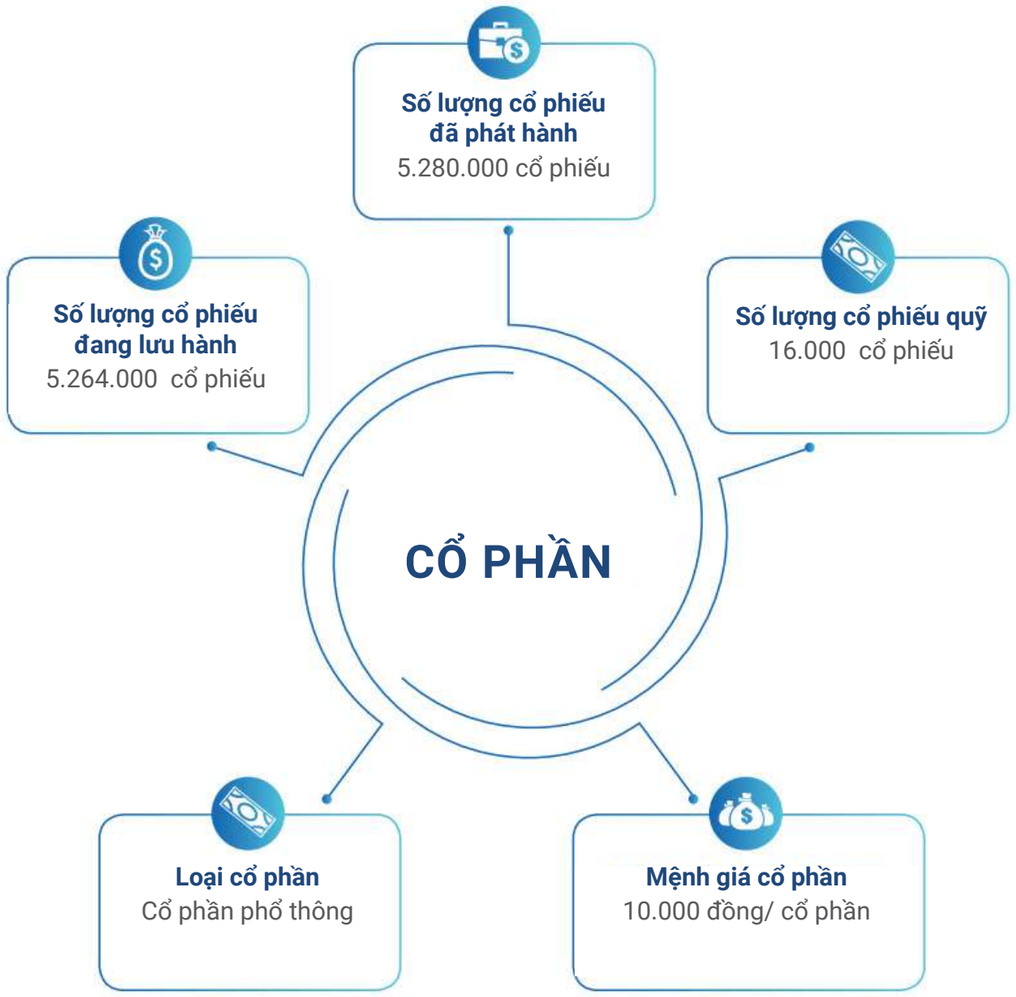

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**116**	**5.262.400**	**52.624**	**99,67%**
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	0,00%
2	Cá nhân	112	322.600	3.226	6,11%
3	Tổ chức	4	4.939.800	49.398	93,56%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**2**	**1.600**	**16**	**0,03%**
1	Cá nhân	2	1.600	16	0,03%
2	Tổ chức	-	-	-	0,00%
III	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**16.000**	**160**	**0,30%**
	Tổng cộng	**118**	**5.280.000**	**52.800**	**100,00%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% (tại ngày 31/12/2022)

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Năng lượng REE	3.489.272	66,29%
CTCP Tập đoàn đầu tư IPA	1.075.258	20,42%
CTCP Galax	375.270	7,12%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Từ lúc thành lập đến nay, Công ty không thực hiện thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng luôn là yếu tố quan trọng để phục vụ quá trình hoạt động của Công ty, do đó, vấn đề đảm bảo tiêu thụ năng lượng là vấn đề được đặt lên hàng đầu. Ngoài điện năng, Công ty còn sử dụng các nguồn nguyên liệu như xăng, dầu, nhớt để vận hành các phương tiện, máy móc phục vụ cho việc lắp đặt các công trình điện. Chính vì thế, Công ty luôn thực hiện chủ trương sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia để giảm thiểu chi phí góp phần vào lợi ích chung của cả Công ty và xã hội.

TIÊU THỤ NƯỚC

Các trạm điện của Công ty đều được trang bị đầy đủ hệ thống thoát nước thải và khí thải. Liên quan đến môi trường, các thông số được theo dõi và giám sát một cách rõ ràng, minh bạch, kết quả đo lường và giám sát đầy đủ, kịp thời. Do nguồn nước sinh hoạt tại địa phận Trà Vinh chịu ảnh hưởng bởi tình trạng xâm nhập mặn ngày càng nặng nề, vì thế, Công ty luôn chú tâm đến công tác tiết kiệm trong việc sử dụng nguồn nước sinh hoạt, tránh lãng phí nguồn nước.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhận thức được bảo vệ môi trường tự nhiên sẽ mang lại nhiều lợi ích đến sự phát triển bền vững của cả công ty và cộng đồng, Công ty luôn chú trọng về vấn đề bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật môi trường. Trong năm qua, Công ty không vi phạm quy định về môi trường, DTV cam kết giảm thiểu tác hại đến môi trường trong suốt quá trình đầu tư và xây dựng, sản xuất và kinh doanh, tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định liên quan.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với lượng lao động gần 200 cán bộ, nhân viên tại đơn vị, Công ty luôn nỗ lực thực hiện những chính sách nhân sự hiệu quả, mô hình quản trị tiên tiến và hướng đến người lao động. Đặc biệt, trong tình trạng tỷ lệ thất nghiệp ngày càng cao, các chính sách về nhân sự lại càng được doanh nghiệp chú trọng. Con người chính là yếu tố tạo nên sức mạnh cho bộ máy, được đánh giá là một giải pháp có tính then chốt đưa các doanh nghiệp vượt qua khó khăn và sẵn sàng cho tương lai. Ban lãnh đạo Công ty tạo mọi điều kiện tốt nhất về môi trường làm việc, được quan tâm chăm sóc sức khỏe và tâm lý lao động, công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Ngoài ra, còn được đào tạo, huấn luyện trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng về thực hiện an toàn lao động tại hiện trường làm việc trước khi vào làm việc và huấn luyện định kỳ theo quy định.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Đảm bảo an toàn, phòng ngừa sự cố liên quan đến đường dây điện sinh hoạt, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực tới đời sống sinh hoạt của người dân địa phương chính là trách nhiệm hàng đầu của toàn thể người lao động Công ty. Công tác an sinh xã hội luôn được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm, chú trọng thông qua việc phối hợp với các tổ chức trong Công ty tổ chức tuyên truyền, vận động để công tác an sinh xã hội được đảm bảo tốt hơn nhằm mang đến cho mọi người một cuộc sống tốt đẹp hơn về cả vật chất lẫn tinh thần, góp phần đưa kinh tế - xã hội phục hồi và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nói riêng và cả nước nói chung.

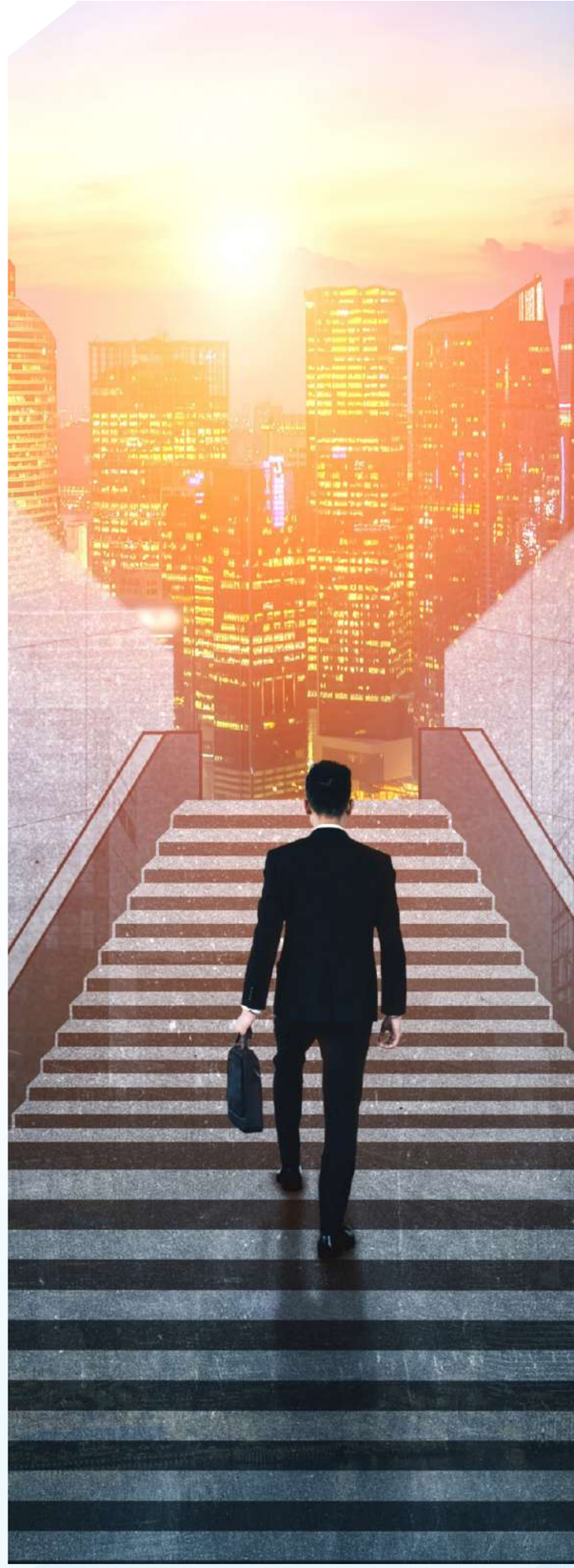

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	40
Tình hình tài chính	42
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	44
Kế hoạch phát triển trong tương lai	44
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	46
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	47

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC ĐÂY

Trong năm 2022, với bối cảnh nền kinh tế Việt Nam nói chung và công tác sản xuất, kinh doanh điện năng nói riêng còn gặp rất nhiều khó khăn, song với sự quyết tâm cùng các giải pháp được xây dựng, thực hiện đồng bộ có hiệu quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh được mở rộng, các công trình đường dây trung và hạ thế được cải tạo và xây dựng mới, các trạm biến áp quá tải được nâng công suất hoặc cấy mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của khách hàng về nuôi thủy sản, trồng hoa màu và các cơ sở dịch vụ kinh doanh. Tình hình kinh tế xã hội địa phương dần dần ổn định và phát triển, nhưng 06 tháng cuối năm có dấu hiệu chững lại, chủ yếu do nhu cầu giảm, hàng nông sản và thủy sản không tìm được đầu ra khiến giá cả bị sụt giảm, lạm phát tăng cao, lãi suất ngân hàng tăng đột biến, đặc biệt biến đổi khí hậu bất thường dẫn đến tâm lý người nuôi trồng bị giao động làm ánh hưởng gián tiếp đến kết quả sản xuất kinh của DTV.

Mặc dù vậy, BTGĐ và các cấp quản lý trực thuộc tích cực tìm tòi, sáng tạo, linh hoạt trong điều hành để thích ứng với các thách thức hiện hữu và phát sinh trong tương lai. Vì thế, Công ty có thể hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022, cụ thể doanh thu thực hiện hoàn thành 99,08% kế hoạch đề ra và đạt 591,01 tỷ đồng, tăng trưởng 6,17% so với cùng kỳ, về lợi nhuận trước thuế đạt 35,485 tỷ đồng tăng trưởng 10,33% so với năm 2021 đồng thời vượt 1,97% kế hoạch đề ra.

THUẬN LỢI

- Lượng tiêu thụ điện năng tại nông thôn đã bắt đầu có những bước tăng trưởng mạnh mẽ, do các khách hàng doanh nghiệp sản xuất hoạt động thường xuyên khiến cho nhu cầu tiêu thụ điện tăng cao cụ thể, sản lượng điện bán ra của Công ty tăng 4,89% so với năm 2021 (đạt 308,22 tỷ đồng) góp phần tăng trưởng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Công tác sản xuất kinh doanh được thực hiện hiệu quả, an toàn, không có sự cố phát sinh ảnh hưởng đến con người và tài sản của Công ty;
- Công ty được sự quan tâm của Tỉnh, Sở, Ban ngành các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ tạo điều kiện để đơn vị đầu tư phát triển mở rộng lưới điện;
- Công tác kinh doanh vật tư, thiết bị điện luôn nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ từ đơn vị cổ đông lớn là Công ty TNHH Năng lượng REE giúp tạo điều kiện cho quá trình kinh doanh Công ty hiệu quả và thuận lợi hơn.

KHÓ KHĂN

- Biến động giá cả vật tư thiết bị, nhiên liệu tăng cao kéo tăng chi phí vận chuyển, mặc dù đã nỗ lực hết sức bằng nhiều giải pháp tiết kiệm, tối đa hóa mọi khoản mục chi phí, lùi giãn tiến độ triển khai nhiều công trình/dự án cung cấp, sửa chữa lưới điện;
- Chi phí vốn mua điện thương phẩm đầu vào tăng khá lớn, cụ thể đã tăng gần 26 tỷ đồng (tương ứng tăng 5,67%) làm gia tăng thêm khó khăn trong việc cân đối dòng tiền để thanh toán chi phí mua điện cho các đơn vị bán điện;
- Tình hình lạm phát tăng cao và lãi suất ngân hàng tăng đột biến gây nên những khó khăn trong việc huy động vốn để đầu tư các dự án điện, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình điện để đảm bảo cung ứng điện cho các đơn vị khách hàng là doanh nghiệp và khách hàng là các hộ gia đình của Công ty.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2022, DTV ghi nhận doanh thu hơn 591 tỷ đồng và lãi trước thuế hơn 35 tỷ đồng, lần lượt tăng hơn 6% và 10% so với thực hiện năm trước. So với kế hoạch được cổ đông giao phó, Công ty đã thực hiện 99% chỉ tiêu doanh thu và vượt gần 2% kế hoạch lãi trước thuế 2022.

Bên cạnh đó, Công ty đã gia tăng được chất lượng dịch vụ đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất của khách hàng, đảm bảo được an toàn, tin cậy, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đời sống sinh hoạt của người dân của địa phương.

Công tác đầu tư xây dựng bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư, lưới điện được nâng cấp mở rộng. Các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh đều duy trì và phát triển bền vững. Hoạt động an sinh xã hội, hướng đến cộng đồng luôn được quan tâm và triển khai thực hiện thông qua nhiều hoạt động ý nghĩa. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và đời sống của người lao động duy trì ổn định và có xu hướng tăng dần theo tốc độ phát triển của Công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		TH 2022/ TH 2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	**85.229**	**67,53%**	**83.355**	**60,08%**	**97,80%**
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.411	9,04%	12.465	8,98%	109,24%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.370	3,46%	4.621	3,33%	105,74%
Các khoản phải thu ngắn hạn	55.334	43,85%	53.174	38,33%	96,10%
Hàng tồn kho	13.679	10,84%	12.346	8,90%	90,26%
Tài sản ngắn hạn khác	436	0,35%	750	0,54%	172,02%
Tài sản dài hạn	**40.973**	**32,47%**	**55.387**	**39,92%**	**135,18%**
Tài sản cố định	33.745	26,74%	39.573	28,52%	117,27%
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	1.390	1,00%	-
Tài sản dài hạn khác	7.228	5,73%	14.423	10,40%	199,54%
Tổng tài sản	**126.202**	**100%**	**138.742**	**100,00%**	**109,94%**

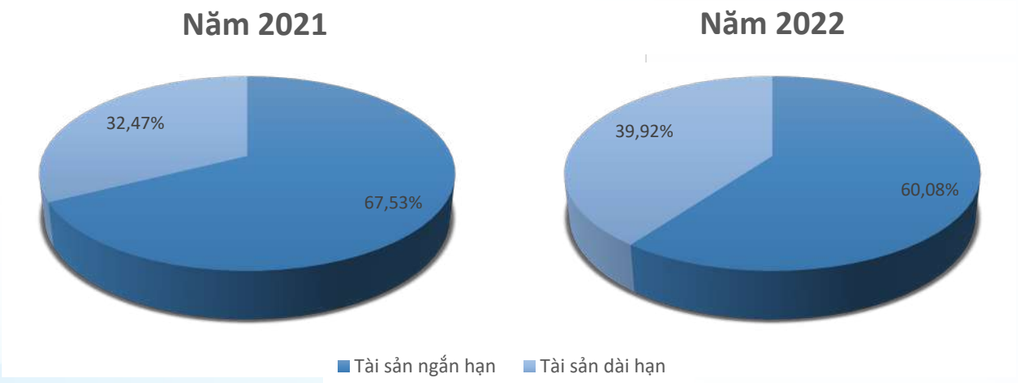

Trong cơ cấu tổng tài sản năm 2022, tài sản ngắn hạn trong năm ghi nhận mức giảm 2,20% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 60,08% tổng tài sản và đạt mức 83.355 triệu đồng. Mặc dù, tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác ghi nhận mức tăng lần lượt 9,24%, 5,74% và 72,02% nhưng mức giảm của các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho lớn hơn đã tác động đến giá trị tài sản ngắn hạn giảm trong năm 2022. Đồng thời, mức tăng trưởng cao trong tài sản cố định và tài sản dài hạn khác đã làm tài sản dài hạn tăng 35,18% (tăng 14.414 triệu đồng) đạt mức 55.387 và chiếm tỷ lệ 39,92% trong cơ cấu tổng tài sản năm 2022.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		TH 2022/ TH 2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	**13.560**	**100,00%**	**14.840**	**100,00%**	**109,44%**
Phải trả người bán ngắn hạn	11	0,08%	46	0,31%	416,73%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.273	9,39%	2.631	17,73%	206,68%
Phải trả người lao động	10.720	79,06%	10.584	71,32%	98,73%
Chi phí phải trả ngắn hạn	112	0,82%	58	0,39%	51,79%
Phải trả ngắn hạn khác	833	6,15%	876	5,90%	105,16%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	611	4,50%	645	4,35%	105,56%
Nợ dài hạn	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Tổng nợ phải trả	**13.560**	**100%**	**14.840**	**100,00%**	**109,44%**

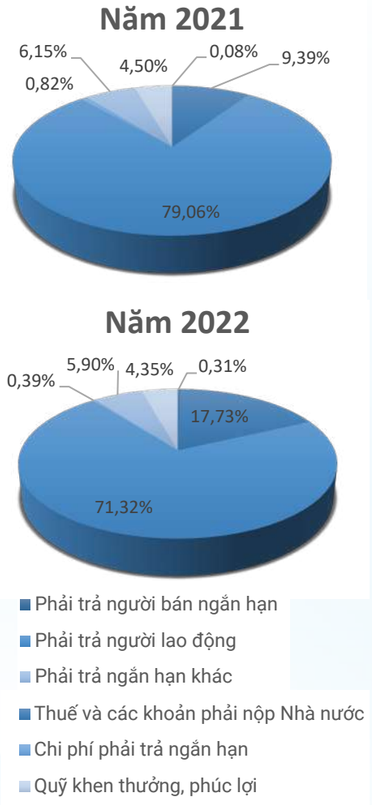

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, điều này đã được Công ty đánh giá kỹ lưỡng và đảm bảo khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn thể hiện qua hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 là 5,62 lần. Theo đó, tổng nợ phải trả tính đến ngày 31/12/2022 của Công ty là 14.840 triệu đồng, tăng 9,44% so với năm 2021, trong đó, khoản phải trả người lao động, chiếm 71,32% tỷ trọng trong cơ cấu nợ phải trả (chủ yếu do chính sách chi trả lương tháng 12 của người lao động thường rơi vào tháng 1 hàng năm) vì thế, Công ty đã thực hiện thanh toán khoản mục phải trả người lao động vào tháng 1/2023, điều này đã góp phần làm giảm nợ ngắn hạn trong tương lai. Đối với các khoản mục còn lại trong nợ phải trả, tuy có xu hướng tăng nhưng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ vì thế không ảnh hưởng nhiều đến tình hình nợ phải trả của Công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức do nhận thấy được sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện bổ sung và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dựa trên khả năng phục hồi của nền kinh tế - xã hội trong thời gian tới, Công ty thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022	KH năm 2023	KH 2023/ TH 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	591,01	646,75	9,43%
2	Sản lượng điện mua vào	Triệu kWh	325,75	353,19	8,42%
3	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	308,22	337,51	9,50%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,49	38,85	9,46%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28,25	31,02	9,80%
6	Tỷ lệ cổ tức	%	30	20	(33,33%)
7	Tỷ lệ tổn thất điện năng	%	5,38	4,44	(17,47%)
8	Phát triển khách hàng	Hộ	3.899	4.500	15,41%
9	Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật	Tỷ đồng	25,708	37,38	45,40%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

STT	TÊN HẠNG MỤC	Số lượng công trình	Chiều dài (km)	Công suất TBA (kVA)	Phát triển khách hàng mới	Tổng kinh phí (triệu đồng)
1	Cải tạo lưới hạ áp	26	25,03	-	-	1.200
2	Xây dựng mới lưới hạ áp	20	12,27	-	-	850
3	Xây dựng mới lưới trung áp và TBA	53	1,85	3.587,50	-	3.200
4	Di dời, nâng công suất TBA	13	-	675	-	950
5	Kiểm định thiết bị đo đếm TBA (86 trạm)	-	-	-	-	272,05
6	Kiểm định điện kế	-	-	-	-	735,00
7	Đầu tư hệ thống đo đếm điện kể cả các thiết bị, phụ kiện kèm theo (hộ)	-	-	-	4.500	4.386,11
8	Chi phí sửa chữa thường xuyên	-	-	-	-	1.441,94
9	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái (1000 kWp)	-	-	-	-	11.500
10	Đầu tư thay thế điện kế điện tử (15.000 hộ)	-	-	-	-	10.845,17
11	Mua đất + xây dựng tổ điện 3 xã đảo thị trấn Long Thành huyện Duyên Hải	-	-	-	-	2.000
	TỔNG CỘNG:	**126**	**39,15**	**4.262,50**	**4.500**	**37.380,27**

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ngày 18/07/2022, Công ty tiếp tục ký hợp đồng kiểm toán với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (EY), đồng ý giao EY đảm nhận công tác soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 đảm bảo minh bạch trong hoạt động của Công ty. Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với công tác soát xét báo cáo của Công ty, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sản xuất kinh doanh vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh chương trình sản xuất kinh doanh gắn liền với giám sát và quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu môi trường trong quá trình hoạt động, thu gom, vận chuyển, xử lý các chất khí thải. Thực hiện cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, đảm bảo thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty nỗ lực xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo quản lý và nhân viên tạo môi trường làm việc an toàn, hiệu quả, đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, quan tâm đời sống vật chất lẫn tinh thần. Công ty luôn đảm bảo xây dựng, thực hện các chế độ đãi ngộ để thu hút nhân tài, tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ công bằng, minh bạch.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ngoài việc cung cấp điện sinh hoạt phục vụ cho dân cư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, Công ty còn chú tâm đến các công tác liên quan đến cộng đồng, xã hội. Chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua mang lại nhiều tác động tích cực, trong đó có tiêu chí điện sinh hoạt, góp phần nâng cao đời sống nhân dân khu vực nông thôn nuôi trồng thủy sản và dịch vụ công nghiệp giúp đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Hệ thống cơ sở hạ tầng điện được DTV đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các đường dây trung, hạ áp hiện hữu và các tuyến đường giao thông hương lộ, tỉnh lộ và cụm dân cư giúp người nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh cải thiện đời sống. Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai tốt các chương trình an sinh xã hội kết hợp với địa phương, tích cực tham gia nhiều hoạt động mang nhiều lợi ích cho xã hội và cộng đồng nhằm nâng cao vị thế DTV trong ngành tại địa bàn tỉnh Trà Vinh.

4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 50

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty 50

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 50

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2022, ngành sản xuất và phân phối điện tăng trưởng ổn định, Công ty đã không ngừng cải thiện và xây dựng các chính sách đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc, đồng thời các quy định về an toàn sửa chữa và sử dụng điện tại Công ty luôn được thực hiện nghiêm chỉnh. Bên cạnh đó, Công ty đã tuân thủ tốt các quy định về môi trường, đảm bảo thu gom đầy đủ các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động giảm thiểu tác động tiêu cực tới đời sống sinh hoạt của người dân địa phương.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Trong quá trình thực hiện quyền hạn và trách nhiệm, HĐQT nhìn nhận BTGĐ đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo cho mọi hoạt động của Công ty diễn ra hiệu quả, công tác giám sát hoạt động của BTGĐ và cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu đề ra thông qua các cuộc họp định kì được tổ chức trong năm, xem xét cẩn trọng, đưa ra các khuyến nghị, chỉ đạo để BTGĐ điều hành một cách tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của các bên liên quan.

BTGĐ đã điều hành tốt hoạt động của Công ty trên cơ sở các Nghị quyết của HĐQT, thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT và có những điều chỉnh kịp thời đảm bảo đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất. BTGĐ đã tập trung lãnh đạo và chỉ đạo quyết liệt các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, tiết kiệm chi phí, quyết tâm thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 phê duyệt. HĐQT và BTGĐ luôn phối hợp chặt chẽ, thực hiện mối quan hệ quản trị - điều hành theo đúng Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2023, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐ phê duyệt, triển khai đúng tiến độ, phấn đấu hoàn thành mục tiêu kinh doanh, kế hoạch chỉ đạo thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2022:	**28.251.939.667 đồng**
» **Chi trả cổ tức cho cổ đông (30%/năm):**	**15.792.000.000 đồng**
» **Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:**	**1.700.000.000 đồng**
» **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022:**	**10.759.939.667 đồng**

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh năm 2023 và những năm tiếp theo, HĐQT sẽ tiếp tục đưa ra những giải pháp tích cực trong kế hoạch đầu tư, công tác cải tạo các công trình xuống cấp kịp thời, giảm thiểu tối đa tỷ lệ tổn thất điện năng bởi đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 54

Ban kiểm soát 60

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát 64

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT	59.900	1,13%
2	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Lương Thu Hằng	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Nguyễn Phong Danh	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	0	0%

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà LÊ THỊ KHÊ

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1967

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1995 đến 01/1999	Chương trình nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Trà Vinh	Kế toán tổng hợp
Từ 01/1999 đến nay	CTCP Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh (Nay là CTCP Phát triển Điện Trà Vinh)	Kế toán tổng hợp/ Kế toán trưởng/ Phó Giám Đốc/ Tổng Giám Đốc/ Chủ Tịch HĐQT

Số lượng cổ phần sở hữu: 59.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,13%

Sở hữu cá nhân	59.900	cổ phần, chiếm tỷ lệ	1,13%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

Sơ yếu lý lịch Ông Lý Ngọc Tuấn đã trình bày tại phần 2, mục tổ chức và nhân sự.

Bà LƯƠNG THU HẰNG

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1971

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT, CTCP Cơ khí Ngành in

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1996 đến 1999	Công ty Vận tải và Cung ứng xăng dầu đường biển - CN TP. HCM	Kế toán tổng hợp
Từ 2000 đến 7/2007	Công ty TNHH DV TM Hải Chính	Kế toán trưởng
Từ 8/2007 đến nay	CTCP Chứng khoán VNDirect - TP. HCM	Kế toán kiểm soát
Từ 06/2013 đến nay	CTCP cơ khí ngành in	Kế toán trưởng/ Chủ tịch HĐQT

Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN PHONG DANH

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1995

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 06/2017 đến 06/2019	CTCP Chứng khoán KIS	Chuyên viên Phân tích đầu tư
Từ 07/2019 đến nay	CTCP Cơ Điện Lạnh	Chuyên viên Phân tích đầu tư
Từ 09/2019 đến nay	Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí 1-3 Trà Vinh	Ban quản lý dự án

Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

Ông NGUYỄN TRƯƠNG TIẾN ĐẠT

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1992

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Cử nhân Kế toán ứng dụng, Chứng chỉ hành nghề kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên phân tích đầu tư CTCP Cơ Điện Lạnh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 02/2015-03/2016	CTCP Cơ Điện Lạnh	Nhân viên kế toán phân tích
Từ 06/2016-03/2017	Ngân hàng Shinhan Việt Nam	Chuyên viên thanh toán quốc tế
Từ 09/2017 đến nay	CTCP Cơ Điện Lạnh	Chuyên viên phân tích đầu tư

Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

THAY ĐỔI NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

Miễn nhiệm Ông Hồ Bảo Hùng thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT, đồng thời bầu bổ sung Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt giữ chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2025 kể từ ngày 28/03/2022.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện tại, Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022, HĐQT đã thông qua các báo cáo đề xuất cùa Tổng Giám đốc/Ban Điều hành tại 8 phiên họp trong đó có 4 phiên họp định kỳ và 5 cuộc họp bất thường theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản, ban hành 11 Nghị quyết, 04 Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	4/4	100%
3	Nguyễn Phong Danh	Thành viên HĐQT	4/4	100%
4	Lương Thu Hằng	Thành viên HĐQT	3/4	66,6%
5	Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	3/4	66,6%

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	26/01/2022	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền.
2	02/NQ-HĐQT	28/02/2022	Nghị quyết phiên họp thứ I của HĐQT: • Phê chuẩn tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; • Phê chuẩn Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022; • Phê chuẩn kế hoạch mua sắm vật tư năm 2022; • Phê chuẩn các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
3	20/NQ-HĐQT	28/03/2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
4	25/NQ-HĐQT	30/03/2022	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền.
5	30/NQ-HĐQT	21/04/2022	Nghị quyết về việc phê chuẩn điều chỉnh giá mời thầu mua sắm vật tư thiết bị năm 2022 của Công ty.
6	33/NQ-HĐQT	25/04/2022	Nghị quyết về việc thôi giữ nhiệm vụ thư ký HĐQT của ông Bùi Thanh Phú.
7	34/NQ-HĐQT	28/06/2022	Nghị quyết về bổ nhiệm thư ký HĐQT của bà Đặng Thị Thanh Thuý.
8	35/NQ-HĐQT	26/07/2022	Nghị quyết phiên họp thứ II của HĐQT • Phê chuẩn báo cáo kết quả SXKD 06 tháng đầu năm và kế hoạch 06 cuối năm 2022 • Phê chuẩn báo cáo kết quả thực hiện công tác lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời và công tơ điện tử 06 tháng đầu năm và kế hoạch 06 cuối năm 2022 • Phê chuẩn báo cáo kết quả thực hiện công tác đấu thầu đến tháng 06 năm 2022 • Phê chuẩn các nội dung khác thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị.
9	36/NQ-HĐQT	26/07/2022	Nghị quyết phê chuẩn nhân sự Bà Lê Thị Khê tiếp tục công tác tại DTV giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT chuyên trách đến hết nhiệm kỳ HĐQT - DTV năm 2021-2026.
10	37/NQ-HĐQT	10/10/2022	Nghị quyết phê chuẩn công văn số 42/HĐQT, ngày 03/10/2022 của Chủ tịch HĐQT về việc xin mua ô tô tải 900kg để phục vụ cho công tác vận chuyển vật tư thiết bị.
11	40/NQ-HĐQT	18/11/2022	Nghị quyết phiên họp thứ III của HĐQT • Phê chuẩn báo cáo kết quả SXKD 10 tháng đầu năm và kế hoạch 02 cuối năm 2022 • Phê chuẩn Tờ trình mua đất xây dựng tổ điện 04 xã đảo huyện Duyên Hải - Tỉnh Trà Vinh (Đông Hải, Long Khánh, Long Vĩnh, thị trấn Long Thành) • Phê chuẩn Tờ trình sắp xếp nhân sự 2023 • Phê chuẩn dự thảo kế hoạch SXKD 2023.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP: Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY: Không có

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Quách Vĩnh Bình	Trưởng BKS	0	0%
2	Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên BKS	0	0%

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Ông QUÁCH VĨNH BÌNH

Trưởng BKS

Sinh năm: 1972

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Phong điện Thuận Bình
- Thành viên HĐQT CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh
- Thành viên HĐQT CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
- Thành viên HĐQT CTCP Thuỷ điện Srok Phu Miêng - Indico
- Thành viên BKS CTCP Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1994 đến 2000	Công ty Kiểm toán Quốc tế Ernst & Young	Kiểm toán viên chính bậc III
Từ 2000 đến nay	CTCP Cơ Điện Lạnh (REE)	Kế toán trưởng/ Phó Giám đốc/ Giám đốc điều hành/ Trưởng Ban kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro

Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

Bà NGUYỄN HỒNG HUỆ

Thành viên BKS

Sinh năm: 1980

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Kế toán tổng hợp CTCP năng lượng Bắc Hà

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2003 đến 2005	CTCP dược phẩm và thiết bị y tế HB	Kế toán tổng hợp
Từ 2006 đến 2007	Công ty TNHH Nhôm Đô Thành	Kế toán nguồn vốn
Từ 2007 đến 2009	CTCP kỹ thuật và thương mại Ngọc Linh	Kế toán trưởng
Từ 2010 đến nay	CTCP năng lượng Bắc Hà	Kế toán tổng hợp

Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

THAY ĐỔI NHÂN SỰ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022: Không có

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Trong năm 2022, BKS đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao, thường xuyên kiểm tra và theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động giám sát của BKS luôn tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.

BKS đã tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp HĐQT, thường xuyên kiểm tra và xem xét tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022, theo dõi việc thực hiện nghị quyết và quyết định của HĐQT đã được triển khai thực hiện hay chưa thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong năm 2022, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BTGĐ trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện công việc cùng nhau trong hoạt động kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty cũng như Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ. Cả HĐQT và BTGĐ đã hợp tác để BKS thực hiện nhiệm vụ của mình như cung cấp thông tin, tài liệu, cử các cán bộ quản lý phối hợp làm việc với BKS khi có yêu cầu.

Ngoài ra, BKS còn tổ chức họp với Ban Lãnh đạo Công ty và Trưởng, Phó các đơn vị có liên quan để thống nhất nội dung, kết quả giám sát và lập biên bản làm việc. Đồng thời lập báo cáo kiểm tra, giám sát đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và gửi tới các cổ đông thông qua trang web, tài liệu ĐHĐCĐ của Công ty và gửi HĐQT, BTGĐ.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Quách Vĩnh Bình	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên BKS	2/2	100%

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

BKS tiếp tục thực hiện giám sát HĐQT, BTGĐ trong việc điều hành Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, quy trình, quy chế quản trị và nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện kiểm tra và thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty.

Để có thể tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2023, BKS đưa ra kiến nghị với Ban điều hành Công ty như sau:

- Ban điều hành cần có giải pháp tích cực hơn để thực hiện đúng và đầy đủ kế hoạch đầu tư, cải tạo các công trình xuống cấp kịp thời nhằm giảm thiểu tỷ lệ tổn thất điện năng. Việc kiểm soát và giảm tỷ lệ tổn thất điện năng là một trong những chỉ tiêu quan trọng mà BTGĐ cần tập trung giải quyết vì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.
- Trong năm 2022, Công ty đã triển khai thí điểm việc thay thế/lắp mới công tơ đo đếm điện năng bằng công tơ điện tử, kết quả bước đầu đã mang lại lợi ích tích cực trong việc giảm tỷ lệ sai lệch và giảm chi phí nhân công. Trong năm 2023 và các năm tiếp theo, Công ty cần có kế hoạch để từng bước chuyển đổi sử dụng hoàn toàn công tơ điện tử và sắp xếp bố trí nhân sự hợp lý từ việc tiết giảm nhân công ghi chỉ số điện năng cho từng khu vực.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGĐ VÀ BKS

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương, thưởng	Tổng thù lao
Hội đồng quản trị				
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch	1.161,41	102
2	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên	-	55,2
3	Nguyễn Phong Danh	Thành viên	-	55,2
4	Lương Thu Hằng	Thành viên	-	55,2
5	Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên	-	41,4
Ban kiểm soát				
1	Quách Vĩnh Bình	Trưởng Ban	-	79,2
2	Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên	-	48
Ban Tổng giám đốc				
1	Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	1.017,57	-
2	Trương Thị Thuỳ Linh	Phó Tổng Giám đốc	547,08	-

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HĐQT, BKS, BTGĐ và người lao động tại Công ty luôn nghiêm túc thực hiện tốt chính sách pháp luật, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký và cho phép, chấp hành tốt các quy định, chủ trương chỉ đạo của cấp thẩm quyền và của các Sở, Ban ngành Tỉnh Trà Vinh.

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán 68

Báo cáo tài chính được kiểm toán 70

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12803304/22990598

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh ("Công ty") được lập ngày 6 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM - QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Đặng Nguyễn Hương
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5041-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**83.354.920.150**	**85.229.019.283**
110	***I. Tiền***	***4***	***12.464.840.500***	***11.410.644.388***
111	1. Tiền		12.464.840.500	11.410.644.388
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***4.620.886.056***	***4.370.480.948***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	62.484	62.484
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	4.620.823.572	4.370.418.464
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***53.173.580.581***	***55.333.575.643***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	51.719.128.279	49.579.039.314
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.898.990	57.867.900
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.513.349.090	5.758.464.207
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(61.795.778)	(61.795.778)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***12.346.013.620***	***13.678.769.336***
141	1. Hàng tồn kho		12.734.077.747	14.059.590.014
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(388.064.127)	(380.820.678)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***749.599.393***	***435.548.968***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	749.599.393	421.686.840
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	13.862.128
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**55.386.881.891**	**40.973.320.736**
220	***I. Tài sản cố định***		***39.573.252.835***	***33.744.831.848***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	39.573.252.835	33.744.831.848
222	Nguyên giá		117.533.012.800	105.912.151.294
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(77.959.759.965)	(72.167.319.446)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.000.000)	(40.000.000)
240	***II. Tài sản dở dang dài hạn***		***1.390.257.600***	***-***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.390.257.600	-
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***14.423.371.456***	***7.228.488.888***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	14.423.371.456	7.228.488.888
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**138.741.802.041**	**126.202.340.019**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**14.839.935.435**	**13.560.413.080**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***14.839.935.435***	***13.560.413.080***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		45.668.500	11.000.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.630.864.364	1.273.272.810
314	3. Phải trả người lao động		10.583.780.589	10.720.497.561
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		58.000.000	111.500.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	876.310.925	833.363.982
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		645.311.057	610.778.727
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**123.901.866.606**	**112.641.926.939**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***14***	***123.901.866.606***	***112.641.926.939***
411	1. Vốn cổ phần		52.800.000.000	52.800.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*52.800.000.000*	*52.800.000.000*
415	2. Cổ phiếu quỹ		(160.000.000)	(160.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.879.322.392	18.879.322.392
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.382.544.214	41.122.604.547
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*24.130.604.547*	*15.448.209.430*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*28.251.939.667*	*25.674.395.117*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**138.741.802.041**	**126.202.340.019**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH

Vương Quý Khen	Lê Thị Ngọc Hằng	Lý Ngọc Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng**	**15.1**	**591.010.232.169**	**556.680.739.566**
11	**2. Giá vốn hàng bán**	**16**	**(503.465.165.349)**	**(475.044.321.318)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**87.545.066.820**	**81.636.418.248**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**15.2**	**346.749.021**	**425.858.988**
25	**5. Chi phí bán hàng**	**17**	**(41.957.257.183)**	**(39.473.964.612)**
26	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**18**	**(10.418.751.437)**	**(10.425.369.720)**
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**35.515.807.221**	**32.162.942.904**
31	**8. Thu nhập khác**		**-**	**3.270.020**
32	**9. Chi phí khác**		**(30.000.000)**	**(1.975.498)**
40	**10. Lợi nhuận khác**		**(30.000.000)**	**1.294.522**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**35.485.807.221**	**32.164.237.426**
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**20.1**	**(7.233.867.554)**	**(6.489.842.309)**
60	**13. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**28.251.939.667**	**25.674.395.117**
70	**14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**14.5**	**5.367**	**4.649**
71	**15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**14.5**	**5.367**	**4.649**

Vương Quý Khen	Lê Thị Ngọc Hằng	Lý Ngọc Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**35.485.807.221**	**32.164.237.426**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao	10	5.874.940.558	4.940.504.600
03	Các khoản dự phòng		7.243.449	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(346.749.021)	(425.858.988)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**41.021.242.207**	**36.678.883.038**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		2.144.830.642	(11.182.521.744)
10	Tăng hàng tồn kho		(7.019.559.595)	(12.208.929.314)
11	Tăng các khoản phải trả		769.840.262	4.344.948.301
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(7.522.795.121)	1.524.565.439
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	5.000.000.000
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(6.703.748.881)	(6.399.678.701)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.165.467.670)	(1.069.150.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**21.524.341.844**	**16.688.117.019**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định		(4.748.547.283)	(697.126.122)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(8.987.823.572)	(13.499.418.464)
24	Tiền thu hồi khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		8.737.418.464	18.244.452.258
27	Thu lãi tiền gửi		320.806.659	549.805.144
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(4.678.145.732)**	**4.597.712.816**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả	14.3	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(15.792.000.000)**	**(15.792.000.000)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**1.054.196.112**	**5.493.829.835**
60	**Tiền đầu năm**		**11.410.644.388**	**5.916.814.553**
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**12.464.840.500**	**11.410.644.388**

Vương Quý Khen	Lê Thị Ngọc Hằng	Lý Ngọc Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ điện nông thôn; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Số 68, Đường Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh. Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 186 (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 185).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó. báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 15 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng;
- Phí kiểm định công tơ, máy biến áp; và
- Đường dây hạ thế.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của quyền sử dụng đất.

3.8 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ đầu tư và phát triển

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải đến các hộ dân tại cuối mỗi tháng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	26.419.636	23.107.664
Tiền gửi ngân hàng	12.438.420.864	11.387.536.724
TỔNG CỘNG	**12.464.840.500**	**11.410.644.388**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

VND

Chứng khoán	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
Cổ phiếu						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	62.484	136.250	-	62.484	169.500	-

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.

Chi tiết khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn như sau:

Tiền gửi ngân hàng	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Trà Vinh	4.490.000.000	Ngày 11 tháng 5 năm 2023	9.6%
	130.823.572	Ngày 12 tháng 10 năm 2023	8.6%
TỔNG CỘNG	**4.620.823.572**		

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	51.719.128.279	49.487.738.967
Phải thu từ bên liên quan *(Thuyết minh số 21)*	-	91.300.347
TỔNG CỘNG	**51.719.128.279**	**49.579.039.314**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(61.795.778)	(61.795.778)
GIÁ TRỊ THUẦN	**51.657.332.501**	**49.517.243.536**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	61.795.778	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	61.795.778
Số cuối năm	61.795.778	61.795.778

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tạm ứng cho dự án	1.012.000.000	4.733.580.000
Lãi tiền gửi	61.512.510	36.111.004
Khác	439.836.580	420.550.603
Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan *(Thuyết minh số 21)*	-	568.222.600
TỔNG CỘNG	**1.513.349.090**	**5.758.464.207**

8. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nguyên liệu, vật liệu	12.421.068.660	13.806.823.103
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	223.938.565	200.661.394
Khác	89.070.522	52.105.517
TỔNG CỘNG	**12.734.077.747**	**14.059.590.014**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(388.064.127)	(380.820.678)
GIÁ TRỊ THUẦN	**12.346.013.620**	**13.678.769.336**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	380.820.678	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	7.243.449	380.820.678
Số cuối năm	388.064.127	380.820.678

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**749.599.393**	**421.686.840**
Công cụ, dụng cụ	356.595.025	200.986.420
Đường dây hạ thế	293.073.227	97.423.176
Khác	99.931.141	123.277.244
Dài hạn	**14.423.371.456**	**7.228.488.888**
Điện kế	7.771.797.457	1.166.343.047
Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng	2.861.820.039	3.520.525.493
Phí kiểm định công tơ, máy biến áp	2.369.266.239	1.422.278.425
Tiền thuê đất trả trước	748.331.944	767.894.656
Đường dây hạ thế	487.000.241	342.384.140
Khác	185.155.536	9.063.127
TỔNG CỘNG	**15.172.970.849**	**7.650.175.728**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	5.080.814.334	106.280.135	100.543.247.295	181.809.530	105.912.151.294
Mua trong năm	201.647.853	-	182.563.704	-	384.211.557
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	11.348.461.554	-	11.348.461.554
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	(68.445.423)	-	(68.445.423)
Xóa sổ	-	(43.366.182)	-	-	(43.366.182)
Số cuối năm	5.282.462.187	62.913.953	112.005.827.130	181.809.530	117.533.012.800
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*1.472.394.379*	*62.913.953*	*47.335.412.437*	*181.809.530*	*49.052.530.299*
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(3.066.350.706)	(106.280.135)	(68.812.879.075)	(181.809.530)	(72.167.319.446)
Khấu hao trong năm	(188.615.382)	-	(5.686.325.176)	-	(5.874.940.558)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	39.133.857	-	39.133.857
Xóa sổ	-	43.366.182	-	-	43.366.182
Số cuối năm	(3.254.966.088)	(62.913.953)	(74.460.070.394)	(181.809.530)	(77.959.759.965)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	2.014.463.628	-	31.730.368.220	-	33.744.831.848
Số cuối năm	2.027.496.099	-	37.545.756.736	-	39.573.252.835

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời	1.306.629.590	-
Khác	83.628.010	-
TỔNG CỘNG	**1.390.257.600**	**-**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	871.665.321	5.819.339.515	(4.995.146.262)	1.695.858.574
Thuế thu nhập doanh nghiệp	396.381.889	7.233.867.554	(6.703.748.881)	926.500.562
Thuế thu nhập cá nhân	5.225.600	529.151.653	(525.872.025)	8.505.228
Thuê đất	-	52.707.296	(52.707.296)	-
TỔNG CỘNG	**1.273.272.810**	**13.635.066.018**	**(12.277.474.464)**	**2.630.864.364**

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuê đất	13.862.128	-	(13.862.128)	-

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đường dây hạ áp khu tái định cư Hiệp Thạnh phải trả cho ngân sách Tỉnh Trà Vinh	572.494.823	572.494.823
Khác	303.816.102	260.869.159
TỔNG CỘNG	**876.310.925**	**833.363.982**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn điều lệ	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	32.540.209.430	104.059.531.822
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	25.674.395.117	25.674.395.117
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	41.122.604.547	112.641.926.939
Năm nay					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	41.122.604.547	112.641.926.939
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	28.251.939.667	28.251.939.667
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	52.382.544.214	123.901.866.606

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 30% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 30% này, tương đương với 15.792.000.000 đồng, vào ngày 19 tháng 4 năm 2022.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Cổ phiếu thường	*Giá trị*	*Cổ phiếu thường*	*Giá trị*
		VND		*VND*
Vốn góp cổ đông	5.280.000	52.800.000.000	5.280.000	52.800.000.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	*3.489.272*	*34.892.720.000*	*3.489.272*	*34.892.720.000*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	*1.075.258*	*10.752.580.000*	*1.075.258*	*10.752.580.000*
Công ty Cổ phần Galax	*375.270*	*3.752.700.000*	*375.270*	*3.752.700.000*
Cổ đông khác	*340.200*	*3.402.000.000*	*340.200*	*3.402.000.000*
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(160.000.000)	(16.000)	(160.000.000)
TỔNG CỘNG	**5.264.000**	**52.640.000.000**	**5.264.000**	**52.640.000.000**

14.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

	Năm nay	*Năm trước*
		VND
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	52.800.000.000	52.800.000.000
Cổ tức công bố	*15.792.000.000*	*15.792.000.000*
Cổ tức đã trả	*15.792.000.000*	*15.792.000.000*

14.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu phổ thông	*5.280.000*	*5.280.000*
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu phổ thông	*5.280.000*	*5.280.000*
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(16.000)
Cổ phiếu phổ thông	*(16.000)*	*(16.000)*
Cổ phiếu đang lưu hành	5.264.000	5.264.000
Cổ phiếu phổ thông	*5.264.000*	*5.264.000*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.5 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	28.251.939.667	25.674.395.117
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(*)*	-	(1.200.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND)*	28.251.939.667	24.474.395.117
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân *(cổ phiếu)*	5.264.000	5.264.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND/ cổ phiếu)*	5.367	4.649
Lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/ cổ phiếu)*	5.367	4.649

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2021 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

15. DOANH THU

15.1 *Doanh thu thuần về bán hàng*

	Năm nay	*Năm trước*
		VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	578.311.921.658	549.002.960.666
Doanh thu bán thiết bị điện	11.510.721.894	7.677.778.900
Doanh thu bán phế liệu	1.187.588.617	-
TỔNG CỘNG	**591.010.232.169**	**556.680.739.566**

15.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	Năm nay	*Năm trước*
		VND
Lãi tiền gửi	346.583.373	413.800.316
Lãi trả chậm	165.648	12.058.672
TỔNG CỘNG	**346.749.021**	**425.858.988**

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn của điện thương phẩm	484.284.851.284	458.291.223.759
Giá vốn của thiết bị điện	6.806.449.059	4.958.296.237
Chi phí khấu hao	5.427.638.881	4.481.548.823
Chi phí phân bổ	4.888.271.831	4.855.630.483
Khác	2.057.954.294	2.457.622.016
TỔNG CỘNG	**503.465.165.349**	**475.044.321.318**

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	37.331.869.163	35.251.270.655
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.832.417.051	1.491.560.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.986.693	118.131.173
Chi phí khấu hao	116.087.022	130.503.890
Khác	2.462.897.254	2.482.498.319
TỔNG CỘNG	**41.957.257.183**	**39.473.964.612**

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	7.759.864.982	7.467.396.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	371.656.787	345.084.505
Chi phí khấu hao	331.214.655	328.451.887
Thiết bị văn phòng	177.368.321	123.420.481
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	61.795.778
Khác	1.778.646.692	2.099.220.239
TỔNG CỘNG	**10.418.751.437**	**10.425.369.720**

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn của điện thương phẩm	484.284.851.284	458.291.223.759
Chi phí nhân viên	45.091.734.145	42.718.667.485
Nguyên vật liệu	8.864.403.353	7.415.918.253
Chi phí khấu hao *(Thuyết minh số 10)*	5.874.940.558	4.940.504.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	585.643.480	463.215.678
Khác	11.139.601.149	11.114.125.875
TỔNG CỘNG	**555.841.173.969**	**524.943.655.650**

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.233.867.554	6.489.842.309

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**35.485.807.221**	**32.164.237.426**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	7.097.161.444	6.432.847.485
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành trực tiếp	58.560.000	54.984.000
Chi phí không được trừ	78.146.110	2.010.824
Chi phí thuế TNDN	**7.233.867.554**	**6.489.842.309**

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty TNHH Năng lượng Ree	Công ty mẹ
Công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất REEPRO	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Galax	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành Viên
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành Viên
Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Năng lượng Ree	Công ty mẹ	Cổ tức đã trả	10.467.816.000	10.467.816.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất REEPRO	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa Sử dụng dịch vụ	1.959.489.724 1.734.191.040	- -
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	3.225.774.000	3.225.774.000
Công ty Cổ phần Galax	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	1.125.810.000	1.125.810.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Mua hàng hóa Bán nguyên vật liệu Cung cấp dịch vụ	175.027.666 - -	159.126.268 407.762.000 66.000.000

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	-	91.300.347
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	-	568.222.600

Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Thù lao của Hội đồng Quản trị		***309.000.000***	***288.030.000***
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	102.000.000	89.760.000
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	55.200.000	52.800.000
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên	55.200.000	53.070.000
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành Viên	55.200.000	52.800.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt *(bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2022)*	Thành Viên	41.400.000	-
Ông Hồ Bảo Hùng *(miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2022)*	Thành viên	-	26.400.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	-	13.200.000
Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc		***2.726.060.460***	***2.515.617.919***
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	1.161.406.119	1.012.229.520
Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	1.017.569.520	983.886.119
Bà Trương Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc	547.084.821	519.502.280
TỔNG CỘNG		**3.035.060.460**	**2.803.647.919**

Thu nhập của Ban Kiểm soát trong năm:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thù lao của Ban Kiểm soát	127.200.000	107.520.000

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc ngày kế toán năm, khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	86.601.345	86.601.345
Từ 1 đến 5 năm	433.006.725	433.006.725
Trên 5 năm	3.305.177.699	3.391.779.044
TỔNG CỘNG	**3.824.785.769**	**3.911.387.114**

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 15% trên mệnh giá cổ phiếu.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Vương Quý Khen	Lê Thị Ngọc Hằng	Lý Ngọc Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Lý Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH

Số 68, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

0924 652 688

www.diennongthontv.com

DTV